

HỢP TÁC ĐÔNG Á: THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ

TRẦN THỊ NHUNG*

Trong những năm gần đây, liên kết Đông Á trở thành đối tượng được quan tâm của các nhà chính trị, kinh tế và đề tài nghiên cứu của các nhà khoa học. Trong thực tiễn, mặc dù còn nhiều khó khăn, cản trở trên con đường hội nhập, song hợp tác khu vực Đông Á đã đạt được những thành tựu nhất định nhờ sự nỗ lực chung của cả cộng đồng các nước Đông Á. Để góp phần đẩy nhanh tiến trình hội nhập và hợp tác Đông Á, việc hiểu rõ những thành tựu và nhận thức ra những vấn đề tồn tại trên bước đường tiến tới hội nhập là không thể thiếu được trong việc tìm cách khắc phục những khó khăn, trở ngại và tận dụng những cơ hội để từng bước tiến tới hội nhập khu vực Đông Á.

Ý tưởng liên kết hợp tác Đông Á được hình thành từ đầu những năm 1990, khi Chiến tranh Lạnh vừa kết thúc. Thủ tướng Malaixia Mahathiar là người đầu tiên đã đề xuất thành lập “Nhóm Kinh tế Đông Á” (East Asian Economic Group – EAEG), bao gồm hầu hết các nước ven biển Đông Á và hoạt động trong khuôn khổ APEC. Theo quan điểm của một số nước Đông Á, cơ chế hợp tác dựa trên nguyên tắc hoạt động của ASEAN. Nội dung chính của cơ chế hợp tác bao gồm các hội nghị cấp cao, các kỳ gặp mặt của các nguyên thủ quốc gia, cấp bộ trưởng và mục đích cơ bản là thúc đẩy hội nhập khu vực, trước hết là khía cạnh kinh tế.

* Tiến sĩ, Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998 đã thúc đẩy hợp tác Đông Á và Hội nghị cấp cao ASEAN+3 (ASEAN + Nhật Bản + Trung Quốc + Hàn Quốc). Năm 1999, hội nghị này đã thông qua Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á. Văn kiện này đã tạo ra những khuôn khổ hợp tác dựa trên 5 nguyên tắc chung sống hoà bình, các cơ sở của hợp tác Bali và luật pháp quốc tế. Cơ chế hợp tác là các cuộc họp cấp cao, cấp bộ trưởng ngoại giao, bộ trưởng chuyên ngành, các tổng vụ trưởng và quan chức; lĩnh vực hợp tác gồm kinh tế (thương mại, đầu tư, tài chính), hợp tác phát triển (thu hẹp khoảng cách phát triển), hợp tác chuyên ngành (môi trường, y tế, du lịch, nông nghiệp, khoa học công nghệ thông tin, lao động...), an ninh phi truyền thống (chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia).

Mặc dù hợp tác Đông Á theo mô thức ASEAN+3 tiến triển chậm nhưng cũng đạt được một số kết quả nhất định. Cơ chế hợp tác ASEAN+3 đã được hình thành, thể hiện trong các văn kiện, như Tuyên bố chung Hợp tác Đông Á, các báo cáo của Nhóm tầm nhìn Đông Á (EAVG), các báo cáo của Nhóm nghiên cứu Đông Á, các đề nghị tổ chức cấp cao Đông Á, khu vực mậu dịch tự do Đông Á, cộng đồng Đông Á, các sáng kiến của Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc. Hàng năm, các quan chức cấp cao của ASEAN+3 thường xuyên gặp gỡ, ký các thoả thuận hợp tác về nhiều lĩnh vực, nhất là về kinh tế.

Về chính trị - an ninh, tuy tiến triển chậm nhưng cũng có những tiến bộ nhất định. Hiện nay, các nước Đông Á đều đang tập trung cho lợi ích phát triển nên đều cần một môi trường an ninh-chính trị ổn định. An ninh-chính trị ổn định là một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy quan hệ hợp tác Đông Á. Do vậy, các nước Đông Á đã đưa ra các sáng kiến, hình thành nên các thể chế với sự tham gia của đông đảo lực lượng chính trị và các tầng lớp khác nhau vào quá trình hợp tác khu vực ở Đông Á từ sau Chiến tranh Lạnh và nhất là từ sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Đặc biệt giữa 3 nước lớn trong khu vực là Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều đã thấu hiểu được sự cần thiết thúc đẩy quan hệ hợp tác đa phương. Các nước Đông Á đã ngồi lại với nhau thông qua diễn đàn hợp tác đa phương ARF để bàn giải quyết các bất đồng, xung đột ở khu vực.

Để tiến tới hội nhập Đông Á, các nước đã đề xuất những nguyên tắc hợp tác và đưa ra thảo luận tại các cuộc họp thượng đỉnh ASEAN + 3 và các cuộc hội thảo. Nguyên tắc thứ nhất là "Chủ nghĩa khu vực mở"; bởi vì sự ổn định và thịnh vượng của Đông Á không những phụ thuộc vào các quan hệ hợp tác khu vực mà còn phụ thuộc vào việc duy trì mối quan hệ hữu nghị với các nước ngoài khu vực. Thực hiện nguyên tắc này, cả khu vực và cộng đồng quốc tế đều có lợi, xua tan đi nỗi lo của những người đã khẳng định rằng sự hội nhập khu vực Đông Á có thể dẫn đến việc tạo ra khối kinh tế khép kín.

Nguyên tắc thứ hai là "Tiếp cận trên các lĩnh vực cần thiết, cụ thể" (functional approach). Dựa trên tình hình thực tế chứ không cố gắng xây dựng những khung khổ thể chế toàn diện từ đầu. Dựa trên những đánh giá về tình hình thực tế, phương pháp tiếp cận này sẽ tìm ra hướng hợp tác trên các mặt cụ thể, đa dạng với quan điểm tạo ra các

điều kiện cơ bản cho sự hội nhập toàn diện của khu vực trong tương lai.

Nguyên tắc thứ ba là tôn trọng và thừa nhận các giá trị chung. Nguyên tắc này nhằm khuyến khích các nước Đông Á đấu tranh để giải quyết các vấn đề như luật pháp, nhân quyền, tham nhũng và tăng cường hiệu quả quản lý. Các nước có thể giúp đỡ lẫn nhau bằng cách chia sẻ kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề trên.

Nguyên tắc thứ tư, nguyên tắc cuối cùng, đề cập đến vấn đề xây dựng lòng tin trong lĩnh vực an ninh và tạo thuận lợi cho việc hợp tác trong các lĩnh vực an ninh phi truyền thống qua việc làm rõ những khả năng quân sự của mỗi nước trong khu vực và tạo điều kiện cho các nước dễ dàng hiểu nhau khi có những chính sách khác biệt về quốc phòng.

Trong quan hệ hợp tác an ninh, thành tựu cơ bản đạt được thuộc lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Cụ thể là hợp tác trong lĩnh vực an ninh xã hội và bảo vệ môi trường. Các hợp tác này bao gồm hợp tác chống khủng bố, chống dịch viêm đường hô hấp cấp (SARS), chống cúm gia cầm, buôn bán ma túy. Sau sự kiện 11-9-2001, các cuộc họp cấp cao chính thức, không chính thức, các cuộc họp cấp bộ trưởng và các cuộc hội thảo giữa các nước trong khu vực Đông Á đã đề cập và đưa ra Tuyên bố chống khủng bố, xây dựng các kế hoạch và chương trình trao đổi tin tức, an ninh máy tính, xây dựng cơ cấu chống tội phạm trên mạng... Đồng thời quan tâm đến việc hợp tác trên các mặt khác như chống buôn lậu, ma túy, nạn di dân bất hợp pháp, cướp biển, buôn lậu vũ khí, tội phạm kinh tế quốc tế, chủ nghĩa khủng bố... Khi bệnh dịch SARS bùng nổ, các nước ASEAN cùng với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đã liên tục tổ chức các hội nghị giữa các bộ trưởng y tế để bàn cách chống SARS, đưa ra

các biện pháp, hành động chung nhằm phối hợp ngăn ngừa sự lây lan và đẩy lùi dịch bệnh.

Đề đối phó với những thiên tai gây ra như hạn hán, bão lụt, động đất, sóng thần,..., các cuộc họp cấp bộ trưởng các nước trong khu vực Đông Á thường xuyên đề cập đến các vấn đề thiên tai và tìm cách khắc phục qua việc tổ chức các hội nghị về môi trường, lập mạng lưới thông tin chung để kiểm tra môi trường khu vực, dự báo thiên tai để phòng chống. Đặc biệt, sau khi cơn sóng thần xảy ra cuối năm 2004 tàn phá khu vực, cùng với các nước khác trên thế giới, các nước khu vực Đông Á đã tích cực ủng hộ về vật chất và cử các nhân viên y tế đến các nước bị ảnh hưởng để khôi phục lại cuộc sống bình thường cho người dân bị nạn.

Trước xu hướng toàn cầu hoá và khu vực hoá ngày càng gia tăng, vì sự tồn tại và phát triển của mình, các quốc gia Đông Á đã và đang cố gắng thúc đẩy tiến trình hợp tác. Tuy nhiên, tiến độ của quá trình này hết sức chậm do còn tồn tại một số vấn đề.

Đông Á là khu vực tồn tại nhiều mâu thuẫn và tranh chấp giữa các quốc gia trong khu vực. Những mâu thuẫn này hiện nay vẫn còn tồn tại trong hầu hết giữa các quốc gia và khi bùng nổ dễ lôi cuốn hoặc làm ảnh hưởng đến nước khác. Lợi ích an ninh - chính trị là một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy sự hợp tác và tăng cường quan hệ giữa các nước khu vực. Tuy nhiên, trong an ninh - chính trị đã có những vấn đề nan giải gây cản trở đến tiến trình hợp tác. Đông Á đang phải đối diện với nhiều vấn đề cục bộ, với những xung đột cũ và những mâu thuẫn mới nảy sinh. Xung đột ở đây mang tính đa dạng: tranh giành quyền lực, tranh chấp lãnh thổ, cạnh tranh kinh tế, mâu thuẫn hệ tư tưởng... Khu vực này cũng là nơi chứa

đựng những nguy cơ xung đột lớn như vấn đề vũ khí hạt nhân ở Bán đảo Triều Tiên, vấn đề Đài Loan và Trường Sa. Bên cạnh đó, nguy cơ cạnh tranh mới giữa các cường quốc như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản nếu xảy ra sẽ phá vỡ sự hợp tác Đông Á. Cho đến nay, các mâu thuẫn vẫn đang tồn tại và tác động không nhỏ tới chính sách khu vực của mỗi nước.

Quan hệ quốc tế trong khu vực mới chỉ dừng lại ở các quan hệ song phương. Bản thân các quan hệ song phương tương đối mỏng nên chưa tạo ra được nền tảng cho sự phát triển quan hệ đa phương. Chủ nghĩa song phương vẫn giữ vai trò chủ đạo và được ưu tiên trong hợp tác Đông Á. Ngoài ASEAN + 3, chưa có một thể chế thuận về Đông Á. Các quốc gia tham gia chủ yếu vào các thể chế đa phương toàn cầu hoặc ngoài khu vực. Các thể chế hiện hành hoặc có cả các nước không thuộc Đông Nam Á như ARF, APEC, ASEM, hoặc ở quy mô tiểu khu vực như ASEAN. Những thể chế này hoạt động kém hiệu quả, tính ràng buộc không cao và thiếu chặt chẽ. ASEAN + 3 mới chỉ tồn tại như một diễn đàn lỏng lẻo. Thêm vào đó, lịch sử chiến tranh và xung đột giữa các nước trong khu vực đã tạo ra tâm lý ác cảm giữa các cộng đồng như giữa Trung Quốc với Nhật Bản, Hàn Quốc với Nhật Bản, Thái Lan với Campuchia..., tạo ra sự nghi ngờ lẫn nhau. Sự chênh lệch giữa vị thế và quyền lực dẫn tới nguy cơ chia rẽ khu vực và gây khó khăn cho việc xây dựng lòng tin giữa các nước, đe dọa sự ổn định, quan hệ hợp tác khu vực. Do vậy, việc thể chế hoá hợp tác Đông Á còn vô vàn khó khăn và tiến triển chậm.

Trung Quốc và Nhật Bản là hai nước lớn ở Đông Á, có vị trí, vai trò quan trọng trong khu vực. Tuy nhiên, có nhiều vấn đề do lịch sử để lại làm cho quan hệ giữa hai nước rơi

vào tình trạng căng thẳng, gây tranh cãi từ nhiều năm nay và cản trở quan hệ giữa hai nước. Việc Nhật Bản sửa đổi sách giáo khoa mà Trung Quốc cho rằng đã nói sai sự thật lịch sử, những chuyến viếng thăm đền Yasukuni – nơi tôn thờ khoảng 2,5 triệu người chết trận trong đó có 14 tội phạm chiến tranh trong Chiến tranh Thế giới thứ hai của Thủ tướng Koizumi đã gây ra sự chỉ trích mạnh mẽ từ phía Trung Quốc và Hàn Quốc, đang làm đóng băng tình cảm ở cả hai nước và có thể dẫn đến sự rắc rối lâu dài, khó giải quyết.

Sự điều chỉnh lại chiến lược đối ngoại của Nhật Bản từ những năm 1990, trong đó có xu hướng quan hệ mật thiết hơn với Đài Loan, coi Đài Loan là một “thực thể chính trị độc lập” đã làm cho quan hệ Nhật - Trung khó có thể cải thiện. Hơn thế nữa, từ năm 1998 đến nay, Nhật Bản đã tăng cường hợp tác với Mỹ trong vấn đề phòng thủ tên lửa đạn đạo (TMD), đồng thời đặt Đài Loan trong hệ thống phòng vệ của tên lửa đạn đạo làm cho vấn đề Đài Loan trở thành vật cản quan trọng nhất ảnh hưởng đến tương lai trong quan hệ giữa hai nước.

Vấn đề tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải đã, đang và sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến quan hệ Trung - Nhật. Sự tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Điếu Ngư (Nhật Bản gọi là quần đảo Senkaku) liên tiếp xảy ra đã gây nên những làn sóng chỉ trích, phẫn nộ của nhân dân hai nước, biến thành cuộc chiến ngoại giao, trở thành một “điểm nóng” trong quan hệ Trung - Nhật, có thể hủy hoại mối quan hệ này, cản trở sự hợp tác Đông Á.

Sự khó khăn, phức tạp trong việc thống nhất Nam Bắc Triều Tiên cũng là một thách thức lớn trên bước đường hợp tác, liên kết Đông Á. Thái độ bất hợp tác của CHDCND

Triều Tiên đối với Hàn Quốc nói riêng và với các nước khác nói chung, những nguy cơ đe dọa từ việc thử tên lửa hạt nhân, nhất là hành động thử vũ khí hạt nhân của CHDCND Triều Tiên hồi đầu tháng 10 vừa qua đã làm cho các nước vô cùng lo lắng, buộc phải có kế hoạch chuẩn bị các biện pháp đối phó, trừng phạt, tạo nguy cơ xung đột và mất ổn định trong khu vực.

Đối với các nước ASEAN vẫn tồn tại một tâm lý lo ngại về sự gia tăng vai trò chính trị của Trung Quốc ở khu vực cũng như trên trường quốc tế. Một số nước ASEAN trước đây đã có những mâu thuẫn, xung đột và hiện vẫn còn tồn tại sự tranh chấp về lãnh thổ trên biên giới đất liền và hải đảo. Sự khác biệt về hệ tư tưởng và chủ nghĩa nước lớn cùng với yếu tố người Hoa cũng làm cho các nước Đông Nam Á lo ngại, giữ thái độ, khoảng cách với Trung Quốc.

Các nước lớn đều lo ngại địa vị bá chủ lọt vào tay các quốc gia lớn khác. Cả Trung Quốc và Nhật Bản đều không muốn bị ràng buộc quá nhiều bởi lợi ích của các nước nhỏ. Các nước nhỏ thì thiếu niềm tin vào các nước lớn trong khu vực và quan tâm nhiều đến các nước ngoài khu vực, làm giảm đi sự liên kết khu vực Đông Á. Tiếp đến là sự chênh lệch vị thế giữa các quốc gia trong vùng dẫn tới sự phân tầng và đẳng cấp trong hợp tác khu vực và tạo nên sự khác nhau trong quan điểm khu vực và quốc tế, lợi ích đối nội và đối ngoại. Sự chênh lệch này dễ làm lệch hướng trong hợp tác khu vực. Sự đa dạng trong hệ tư tưởng, chế độ chính trị và hệ thống chính trị cũng là vấn đề làm cản trở sự hợp tác Đông Á. Tất cả những điều này tạo nên sự khác nhau trong thế giới quan, nhận thức, giá trị và lợi ích giữa các nước, dẫn tới sự khác nhau trong lĩnh vực ưu tiên, lựa chọn chính sách, cách thức tiến hành... trong quan hệ khu vực.

Trong hợp tác kinh tế, giữa các nước Đông Á cũng phải đối mặt với những trở ngại nhất định. Những trở ngại cơ bản ở đây bao gồm:

- Khoảng cách trình độ giữa các nước trong khu vực quá lớn (Nhật Bản là siêu cường kinh tế, các nước thành viên mới của ASEAN là các nước chậm phát triển) dẫn đến tình trạng kinh tế khác nhau, từ đó tạo ra những lợi ích và ưu tiên khác nhau trong chính sách liên kết khu vực. Khả năng thực hiện lợi ích chung khác nhau dẫn đến nguy cơ kết quả thu được khác nhau nên mức độ mong muốn hợp tác khác nhau. Trình độ phát triển chênh lệch cũng làm tăng nguy cơ bất bình đẳng mới và khó khăn trong việc thể chế hoá khu vực.

- Có những cản trở từ bên ngoài đối với sự liên kết và hình thành một thể chế khu vực xuất phát từ những lo ngại về sự hình thành ba khối kinh tế chống nhau, làm tăng sự phân biệt đối xử thương mại, làm giảm vai trò của các thể lực kinh tế toàn cầu.

- Tại các nước khu vực cũng tồn tại những cản trở nhất định. Chủ nghĩa ích kỷ kinh tế trong chính sách khu vực của nhiều nước đã làm xói mòn thiện chí và có thể tạo nên những xung đột lợi ích. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển kinh tế đối ngoại đang tạo nên nguy cơ cạnh tranh thị trường và đầu tư nước ngoài. Sự cạnh tranh và xung đột nếu không được kiểm chế hợp lý sẽ tạo ra sự chia rẽ mới trong khu vực. Ngoài ra, những khó khăn kinh tế, sự trì trệ trong nước hay những bất cập về luật pháp kinh tế cũng gây những tác động bất lợi cho sự hợp tác giữa các nước Đông Á.

Nhìn chung, sự hợp tác đã thu được những thành tựu đáng kể, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế nhưng về vấn đề hợp tác an ninh mới chỉ dừng lại ở diễn đàn đối thoại, bày tỏ quan điểm khác nhau của mình, bàn việc hợp tác và hỗ trợ cho nhau chứ chưa giải

quyết được những vấn đề xung đột, tranh chấp tại các nước Đông Á. Tuy nhiên, sự tồn tại và phát triển các mối quan hệ hợp tác đã và đang tạo cơ hội cho việc giải quyết các bất đồng, tăng cường hợp tác trên tất cả các lĩnh vực, góp phần thúc đẩy các nước tăng cường ý thức hợp tác khu vực trên quan điểm cùng tồn tại và phát triển. Với những thành tựu và nỗ lực không ngừng của các nước thành viên, những bước phát triển mới trên con đường hợp tác sẽ khẳng định được rằng dù khó khăn, vất vả nhưng sự liên kết, hợp tác Đông Á là không thể đảo ngược, vấn đề chỉ là thời gian sớm hay muộn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Quốc gia Hà nội, *Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà nội, tháng 3-2003.
2. MOFA, Japan: *Japan - ASEAN Relations*, 2000, <http://www.mofa.go.jp>.
3. Wen Jiabao (Chinese premier), *Strengthening Cooperation for Mutual Benefit and a Win-Win Result*, 8th ASEAN+3 Summit in Vientiane, Lao, 2004. <http://www.fmprc.gov.cn/eng/wjbj/zgz/gjs/gjsxw/t179323.htm>.
4. Yamada Takio, *Toward a Principled Integration of East Asia: Concept of an East Asia Community*, Gaiko Forum, Ministry of Foreign Affairs, Tokyo 2005.
5. Zhang Yunling (ed), *East Asian Cooperation: Searching for an Integrated Approach*, World Affairs Press, 2003.
6. Zhang Yunling (ed), *East Asian Cooperation: Searching for an Integrated Approach*, World Affairs Press, 2004.